

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Hoàng Quy

Học viện Hành chính quốc gia

Email: ngohoangquy@yahoo.com

Ngày nhận: 03/08/2015

Ngày nhận lại: 10/08/2015

Mã số: 84.1IEM.12

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là đặc trưng và xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay, bất luận đó là nền kinh tế có quy mô và trình độ phát triển khác nhau, của quốc gia có chế độ chính trị - xã hội như thế nào. Xu thế này mở ra cơ hội hợp tác và thúc đẩy phát triển kinh tế nhưng cũng gắn liền với thách thức về cạnh tranh, về thể chế, chính sách. Nếu biết tham gia vào cuộc chơi đúng cách, một quốc gia không những có thể phát huy tối đa tiềm lực của mình mà còn tận dụng được những ưu thế do các quốc gia khác mang lại. Ngược lại, nếu không có một chiến lược, chính sách đúng đắn, quá trình hội nhập cũng có thể dẫn tới sự suy yếu của một quốc gia. Bài viết này, trên cơ sở phân tích thực trạng, từ đó xác lập những định hướng hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế của nước ta trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: chính sách, thương mại, quốc tế, hội nhập, Việt Nam



Bước sang thế kỷ 21, hội nhập kinh tế quốc tế với trụ cột cơ bản là tự do hóa thương mại đã phát triển ngày càng sâu rộng và trở thành xu hướng tất yếu của nhiều nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong thời gian vừa qua, Chính phủ nước ta đã thực hiện nhiều cải cách về thương mại và đã đạt được những thành tựu nhất định trong tiến trình hội nhập trong bối cảnh triển khai cam kết với WTO, AFTA ... và các hiệp định thương mại song

phương và đa phương khác, như với Hàn Quốc, Nhật Bản, hiệp định TPP ... Tuy nhiên, đứng trước bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực luôn luôn biến động, đặc biệt xu thế gia tăng bảo hộ thương mại giữa các nước từ sau khủng hoảng toàn cầu 2008 khiến cho tiến trình tự do hóa thương mại gặp nhiều khó khăn. Yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nền kinh tế non trẻ của Việt Nam hiện nay cần thiết phải xác lập các định hướng

chính sách thương mại quốc tế cho phù hợp với điều kiện hội nhập nhằm phát huy tối đa lợi thế so sánh của Việt Nam, góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu chủ đề "*Định hướng hoàn thiện chính sách thương mại trong điều kiện hội nhập quốc tế*". Bài viết sẽ tập trung vào trả lời câu hỏi thực trạng chính sách thương mại hiện nay của Việt Nam như thế nào và làm thế nào để hoàn thiện chính sách trên. Nghiên cứu hướng đến các mục tiêu cụ thể sau: đánh giá thành công và hạn chế của chính sách thương mại hiện thời, xác định nguyên nhân của các hạn chế này, từ đó đề xuất những nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thương mại, góp phần thực hiện thành công tiến trình hội nhập quốc tế của nước nhà.

1. Một số cơ sở lý luận

Thương mại quốc tế là sự mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ qua biên giới giữa các quốc gia. Theo nghĩa rộng hơn, thương mại quốc tế còn bao gồm cả sự trao đổi các yếu tố sản xuất (vốn và lao động) giữa các nước. Tổ chức thương mại thế giới WTO định nghĩa thương mại quốc tế bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và thương mại quyền sở hữu trí tuệ (Sampson và Chambers, 2008).

Về cơ sở lý luận, thương mại quốc tế dựa trên nền tảng các học thuyết cổ điển về mậu dịch tự do, cơ bản nhất là học thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith và lợi thế so sánh của David Ricardo. Cùng với sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế, J.S. Mill (1848) xây dựng học thuyết nhu cầu tương hỗ (Reciprocal Demand) của một nước đối với hàng hóa của một nước khác trong quan hệ thương mại giữa hai nước. Sự ra đời của thuyết đường cong ngoại thương (offer curve) của Alfred Marshall (1890) đã hoàn thiện những cơ sở lý thuyết cơ bản về thương mại khi đề cập và phân tích cụ thể khái niệm về thương mại (trade). Đầu thế kỷ 19, Bertil Ohlin và Hecksher với mô hình HO (1933) đưa ra học thuyết tài nguyên sẵn có (resource endowment) và chỉ ra rằng thương mại quốc tế xảy ra khi có sự khác nhau giữa các yếu tố sẵn có. Các quốc gia sẽ sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng mà nước đó sẵn có và dư thừa, nhập khẩu những mặt hàng khan hiếm nguồn

cung trong nước.

Gắn liền với sự phát triển của thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế là những biện pháp mà chính phủ một quốc gia thông qua nhằm điều chỉnh hoạt động thương mại giữa quốc gia mình với quốc gia khác, thường bao gồm các quy định về thương mại, chính sách về xuất khẩu, hệ thống thuế và các chính sách hỗ trợ khác (Sen, 2010). Để thực hiện các chính sách này, Nhà nước sử dụng các công cụ thuế quan và phi thuế quan để điều tiết, cụ thể:

- Công cụ thuế quan là công cụ kinh tế, thông qua đó, Nhà nước dùng để khuyến khích hoặc hạn chế hàng hóa xuất nhập khẩu bằng cách áp đặt dòng thuế, mức thuế, cách tính thuế lên từng mặt hàng, ngành hàng cụ thể, tùy theo từng giai đoạn và chính sách phát triển của đất nước.

- Công cụ phi thuế quan là những biện pháp ngoài thuế quan, bao gồm các biện pháp trợ cấp, hạn chế định lượng (cấm xuất nhập khẩu, hạn ngạch xuất nhập khẩu, cấp phép xuất nhập khẩu), các biện pháp quản lý về giá (giá tính thuế hải quan, phụ thu), hàng rào kỹ thuật (các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, kiểm dịch động thực vật, quy định về nhãn mác hàng hóa), các biện pháp quản lý hành chính (quy định về mua sắm chính phủ, thủ tục hải quan) và các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời (chống trợ cấp, chống bán phá giá).

Hiện nay, trên thế giới chính sách thương mại quốc tế thường được biểu hiện dưới hai hình thức chính là tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch. Trong đó, tự do hóa thương mại là chính sách nhà nước thực hiện nhằm giảm bớt trở ngại trong hàng rào thuế quan và phi thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường nội địa cho hàng hóa nước ngoài. Ngược lại, chính sách bảo hộ mậu dịch là chính sách đặt ra những rào cản để bảo vệ, hỗ trợ nền sản xuất trong nước. Tùy theo mục tiêu và định hướng phát triển trong từng thời kỳ mà các quốc gia sẽ lựa chọn áp dụng và phối hợp thực hiện chính sách thương mại quốc tế cho phù hợp (Sen, 2010).

Tuy nhiên, trong bối cảnh các quốc gia đang tham gia ngày càng mạnh mẽ vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc ký kết các hiệp định kinh tế song phương, đa phương, hay tham gia vào các khu vực mậu dịch tự do, các tổ chức thế giới, chính sách thương mại quốc tế

không đơn thuần chỉ là ý chí chủ quan của mỗi quốc gia. Các chính sách này khi đó cần được điều chỉnh và hoàn thiện sao cho vừa phù hợp với tiềm lực kinh tế đất nước, lại vừa tuân thủ những nguyên tắc và quy định đã ký kết trong các hiệp định với các quốc gia, các thể chế khu vực và thế giới (Sampson và Chambers, 2008; Krugman và các cộng sự, 2014).

Đối với các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển chỉ mới tham gia vào khu vực sân chơi quốc tế rộng lớn này, việc hoàn thiện nhận thức về giải quyết mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch là nhiệm vụ quan trọng cần làm trước tiên. Thực tế cho thấy hiện nay hầu như không một quốc gia nào trên thế giới thực hiện chính sách tự do thương mại hoàn toàn hay bảo hộ hoàn toàn nền kinh tế của mình. Đối với các nền kinh tế đang phát triển, tiềm lực còn chưa đủ mạnh, sai sót trong việc tiến hành tự do hóa ồ ạt hay bảo hộ quá chặt một ngành kinh tế sẽ không chỉ gây hại cho ngành kinh tế đó mà còn có thể làm tổn thương nền kinh tế toàn quốc gia. Chính vì vậy, mỗi quốc gia cần xác định một lộ trình tự do hóa thương mại thích hợp dựa trên cơ sở phân tích lợi ích - chi phí kết hợp với những phân tích khác, đảm bảo quá trình hội nhập sẽ có tác động tích cực tới sự phát triển của đất nước (Sampson và Chambers, 2008).

Sau khi hoàn thiện về mặt nhận thức, để thực hiện thành công lộ trình tự do hóa thương mại như đã tính toán, các quốc gia cần hoàn thiện các công cụ trực tiếp thực hiện lộ trình đó. Ngoài các công cụ thuế quan là các công cụ buộc phải thực hiện theo cam kết đã đề ra trước đó, các công cụ phi thuế quan còn lại cần được vận dụng linh hoạt để có thể bảo hộ được các ngành kinh tế ở mức độ nào đó theo mục tiêu phát triển kinh tế mà vẫn không vi phạm các quy tắc của các thể chế đã tham gia. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước đang phát triển còn cần chú trọng xem xét việc phối hợp chính sách thương mại quốc tế và các chính sách ngành, căn cứ trên thông tin đưa ra từ các doanh nghiệp, từ đó đảm bảo quá trình phối hợp thiết kế và thực hiện chính sách được rõ ràng và có cơ sở (Ulph, 2001).

Cuối cùng, cần phối hợp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế trong điều kiện hội nhập. Trong tổng thể nền kinh tế, không có một lĩnh vực

nào tồn tại độc lập cả, tuy nhiên mỗi lĩnh vực thương mại - đầu tư - tài chính - công nghiệp - nông nghiệp lại do các bộ phận khác nhau chịu trách nhiệm. Điều này gây ra không ít khó khăn trong việc phối hợp thông tin, thiết kế và triển khai thực hiện kế hoạch. Vì vậy, để hội nhập thành công và có hiệu quả, các quốc gia cần giải quyết vấn đề về thể chế và cơ chế phối hợp. Cụ thể là cơ chế hoạt động và quyền lực của cơ quan chịu trách nhiệm chính về công tác điều phối việc hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế. Tiếp đó, các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang thực hiện công nghiệp hóa cần giải quyết tốt việc thực hiện tự do hóa các ngành công nghiệp chế tạo thông qua biện pháp bảo hộ hợp lý và thực hiện tăng cường xuất khẩu, đặc biệt xuất khẩu của khu vực FDI, giúp tạo ra sức cạnh tranh của hàng công nghiệp chế tạo hướng tới mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước (Sampson và Chambers, 2008).

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu chuyên sâu về chính sách thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập hiện nay, bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính. Một là, phương pháp nghiên cứu phân tích và tổng hợp. Phương pháp này sử dụng thông tin lấy chủ yếu từ các tài liệu là các nghiên cứu, báo cáo, các chuyên đề, thông tin hội thảo từ Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thông tin từ các website chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới WTO, Trung tâm WTO Việt Nam về quá trình hội nhập kinh tế và chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam. Hai là, phương pháp khảo sát, điều tra phỏng vấn các cán bộ của các bộ, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm hoạch định và xây dựng chính sách thương mại, các chủ doanh nghiệp, nhà quản lý tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế. Thực tế tác giả đã tiến hành 19 cuộc phỏng vấn chuyên sâu với 03 lãnh đạo Bộ Công Thương, 08 chuyên gia của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và của Học viện Hành chính Quốc gia cùng với 08 lãnh đạo của 05 doanh nghiệp Việt Nam xuất nhập khẩu lớn. Các cuộc phỏng vấn được tác giả thực hiện bằng những câu hỏi mở, dẫn đi sâu vào nội dung trọng tâm là chính sách thương mại quốc tế của nước ta.

Trên cơ sở kết quả điều tra, phỏng vấn, tác giả đã tổng hợp và lấy làm căn cứ để phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp cho việc hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế trong nghiên cứu này.

3. Đánh giá khái quát chính sách thương mại quốc tế Việt Nam

Việt Nam bước vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với mục tiêu cơ bản là phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu năm 2020 sẽ cơ bản trở thành một quốc gia công nghiệp hóa. Sau hơn 20 năm tiến hành đổi mới, Việt Nam đã đạt được tiềm lực kinh tế nhất định. Tuy nhiên, so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam vẫn là một nước trung bình, với trình độ phát triển khoa học kỹ thuật còn tương đối thấp, năng lực cạnh tranh chưa cao. Tiềm lực xã hội kinh tế không được khai thác hợp lý khiến cho tình trạng phát triển dưới tiềm năng kéo dài. Nhiều vấn đề cơ bản chưa được giải quyết trong khi nhiều vấn đề mới nảy sinh khiến cho nguy cơ tụt hậu của quốc gia ngày càng lớn.

Tuy nhiên, tiềm năng của Việt Nam bao gồm cả tiềm năng về tự nhiên và con người vẫn còn rất lớn. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế cũng như khu vực đã tăng lên đáng kể. Xu thế toàn cầu hóa vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội nếu biết cách khai thác hợp lý. Vì vậy, để hoàn thành mục tiêu cơ bản của đất nước đồng thời hội nhập kinh tế quốc tế một cách thành công, trong thời gian qua, Việt Nam đã luôn chủ động và tích cực hội nhập, biến thách thức thành cơ hội, điều chỉnh và từng bước hoàn thiện chính sách thương mại phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước.

Thực trạng hoàn thiện nhận thức về mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch được thể hiện rõ qua ba giai đoạn chính hội nhập của nước ta. Ở giai đoạn thăm dò hội nhập (1988 - 1991), mặc dù chính sách công nghiệp hóa còn chưa rõ ràng, nhiều hàng hóa vẫn còn bị giới hạn xuất khẩu ở một số ít công ty, nhưng nhìn chung chính sách xuất nhập khẩu và các quy định về thương mại dần trở nên thông thoáng hơn, xu hướng thay thế nhập khẩu bắt đầu được hình thành, các chính sách tài chính, thuế bắt đầu được quy định cụ thể. Bước sang giai đoạn khởi động hội nhập (1992 - 2000), nhận thức mối quan hệ giữa tự do hóa và bảo hộ mậu dịch của Việt Nam

chưa có sự biến chuyển rõ ràng. Việt Nam vẫn theo đuổi một chiến lược công nghiệp hóa không rõ ràng, vừa thực hiện công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, vừa hướng vào xuất khẩu. Tới cuối giai đoạn, xu hướng hướng vào xuất khẩu được ưu tiên hơn thể hiện ở việc đơn giản hóa thủ tục xuất nhập khẩu như bãi bỏ hầu hết các giấy phép nhập khẩu chuyển, dỡ bỏ quyền kiểm soát buôn bán gạo, khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu trong đó có doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là mới có chủ yếu các doanh nghiệp nhà nước tham gia vào tự do hóa thương mại, và quá trình tự do hóa diễn ra không theo một lộ trình cụ thể nào. Từ năm 2000, Việt Nam bước vào giai đoạn tăng cường hội nhập. Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ năm 2000, gia nhập WTO năm 2006 và tham gia 8 hiệp định Thương mại tự do khu vực và song phương khác. Từ tháng 11 năm 2010, Việt Nam trở thành bên tham gia đầy đủ trong các vòng đàm phán thỏa thuận Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), và đang đàm phán các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) song phương với EU, các thành viên của EFTA, khối các nước Belarus, Kazakhstan và Liên bang Nga, và với Hàn Quốc. Có thể thấy, tự do hóa thương mại trong giai đoạn này diễn ra mạnh mẽ và chủ động hơn rất nhiều. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, mục tiêu và phương pháp công nghiệp hóa vẫn chưa được thống nhất giữa các cấp, các ngành dẫn đến tình trạng đi theo chủ trương chủ động hội nhập, đồng thời việc giải quyết vấn đề bảo hộ thị trường nội địa cho một số ngành hàng như ô tô, sắt thép, điện tử vẫn còn gặp nhiều lúng túng.

Về thực trạng hoàn thiện các công cụ của chính sách thương mại: từ khi được ban hành năm 1988, luật thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam đã được sửa đổi và bổ sung nhiều lần theo định hướng của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Đến nay, biểu thuế của Việt Nam được nhận xét là ngày càng phù hợp với Hệ thống phân loại hàng hóa và mã số của Tổ chức hải quan thế giới. Chính sách thuế được hoàn thiện theo hướng đảm bảo công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ thuế đối với mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo từng bước phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Đặc biệt sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã chấp nhận toàn

bộ lộ trình thuế quan trong điều kiện gia nhập, theo đó hầu hết hàng hóa chỉ có mức thuế 0 - 40%. Mức thuế suất tối huệ quốc trung bình cũng giảm đáng kể từ 18,5% năm 2007 xuống 10,4% năm 2013. Theo cam kết WTO, từ năm 2015, Việt Nam cắt giảm 13 dòng thuế (gồm 1 dòng hàng cá, 11 dòng hàng ô tô, 1 dòng hàng xe máy). Thực hiện cam kết, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 173/2014/TT-BTC ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung 07 Thông tư về thuế, qua đó cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm số giờ để thực hiện khai, nộp thuế của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ngoài thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho một số loại hàng hoá dịch vụ (như thuốc lá, đồ uống có cồn, xe ô tô, xe máy, dịch vụ đánh gôn và cờ bạc) theo thỏa thuận gia nhập WTO, từ ngày 1/1/2012, Việt Nam còn đưa ra thuế bảo vệ môi trường với 5 hạng mục để thay thế phần nào cho các khoản phụ thu trước kia áp dụng lên các loại nhiên liệu.

Đối với các công cụ phi thuế quan, Việt Nam áp dụng hạn ngạch đối với các mặt hàng trứng, đường, thuốc lá sợi, phế phẩm thuốc lá và muối, cấm xuất khẩu đối với các loại hàng hóa bị đánh giá chung là có hại với sức khỏe và vi phạm an toàn an ninh quốc gia. Trong các biện pháp hạn chế xuất khẩu, Việt Nam áp thuế xuất khẩu lên một số loại hàng hóa nhất định và thuế tài nguyên trên một số tài nguyên thiên nhiên. Thuế xuất khẩu áp lên sắt thép phế liệu đã giảm khoảng 50% kể từ 2006, phù hợp với các cam kết của Việt Nam với WTO. Biện pháp trợ cấp được Việt Nam áp dụng dưới hình thức chủ yếu là ưu đãi thuế nhằm động viên hoạt động nghiên cứu và phát triển, trợ giúp doanh nghiệp hoạt động giáo dục, đào tạo và y tế, thành lập các doanh nghiệp ở địa bàn bất lợi. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng cho thấy nhiều công cụ phi thuế quan của Việt Nam còn chưa được hoàn thiện hay tận dụng tốt. Chẳng hạn Việt Nam chưa có cam kết chính thức tham gia Thỏa ước về mua sắm chính phủ. Các quy định pháp lý và các thể chế thực thi điều tra chống phá giá và trợ cấp tuy đã được hình thành nhưng lại chưa được sử dụng để thực hiện bất kỳ vụ điều tra nào. Đồng thời, các công cụ phi thuế quan này đang do

các cơ quan khác nhau quản lý, chưa tập trung thống nhất về một mối. Thông tin về việc hàng hóa của Việt Nam có bị nước ngoài áp dụng các biện pháp phi thuế hay không cũng chưa được thực hiện một cách hệ thống, gây ra nhiều khó khăn và lúng túng cho Việt Nam khi tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào hệ thống thương mại quốc tế.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, nhằm khắc phục khủng hoảng và thúc đẩy kinh tế, chính sách tiền tệ đã được Nhà nước điều chỉnh theo hướng thị trường, linh hoạt, trong đó tập trung ưu tiên ổn định giá trị VNĐ. Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất xuống từ cuối năm 2014 đến nay và duy trì ở mức 4-6%/năm. Ngân hàng nhà nước cũng quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với một số lĩnh vực trong đó có xuất khẩu giảm từ 15% xuống 12%/năm cuối năm 2013; nửa cuối năm 2014 là 7,8%/năm (Thông tư số 108/2014/TT-BTC); từ ngày 19/5/2015, lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước bằng đồng Việt Nam là 6,9%/năm (Thông tư số 76/2015/TT-BTC).

Các văn bản về lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu cũng được ban hành, quyết định 52/2008 về lãi suất như là một công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách này. Chính phủ cũng đã ban hành quy định về thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu trong giai đoạn 2011 - 2013 nhằm giúp các doanh nghiệp xuất khẩu tránh rủi ro trong tín dụng xuất khẩu, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và thúc đẩy xuất khẩu. Cụ thể, Bộ Công Thương ban hành quyết định 7313/QĐ-BCT tháng 10 năm 2013 về việc hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín trong các hoạt động như: quảng bá; nhận các báo cáo thông tin hàng tháng về mặt hàng xuất khẩu, thị trường xuất khẩu; các khóa đào tạo về thương mại điện tử; giới thiệu trực tiếp các đối tác nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu.

Việc phối hợp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế cũng được đẩy mạnh theo hướng nâng cao sức cạnh tranh của ngành chế tạo và tăng cường xuất khẩu của khu vực FDI. Đặc biệt, khuyến khích xuất khẩu của khu vực FDI được xem là một biện pháp quan trọng để gia tăng xuất khẩu của Việt Nam. Việc xây dựng các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp liên kết với các doanh nghiệp trong nước cũng được chú trọng

phát triển. Hiện nay, Việt Nam có gần 300 khu công nghiệp, khu chế xuất, chiếm tỷ trọng lớn sản lượng công nghiệp, đầu tư, xuất khẩu và việc làm. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp rất không đồng đều và tỷ lệ lấp đầy trung bình đang giảm dần trong giai đoạn gần đây. Việc phối hợp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế giữa các ngành cũng chưa được thực hiện một cách hệ thống và đồng bộ. Bộ Công Thương xem xét dưới góc độ chính sách xuất nhập khẩu. Bộ Tài chính xem xét dưới góc độ chính sách thuế. Bộ Công nghiệp xem xét dưới góc độ chính sách ngành. Do đó, chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam còn thiếu sự kết hợp đồng bộ giữa các bộ, ban, ngành, dẫn tới những khó khăn trong quản lý, thực hiện và làm chậm, làm giảm hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Việt Nam rất cần một cơ quan đầu mối với đủ quyền hạn, nguồn lực và trách nhiệm điều hành việc phối hợp hoạt động giữa các ngành nhằm tối đa hóa lợi thế của Việt Nam trong hội nhập.

4. Một số định hướng giải pháp và khuyến nghị

Sau nhiều nỗ lực thực hiện hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định. Việc gia nhập thành công tổ chức Thương mại thế giới WTO tháng 11 năm 2006 là một trong những kết quả nổi bật nhất trong tiến trình hội nhập của Việt Nam. Từ đây, các doanh nghiệp sẽ có điều kiện chủ động nắm bắt thời cơ, mở rộng thị trường xuất khẩu, được hưởng các ưu thế về thuế, được đối xử bình đẳng; vốn đầu tư nước ngoài thu hút được nhiều hơn, phát huy lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, nhân công, tài nguyên thiên nhiên, nâng cao năng lực kinh tế của Việt Nam. Chính sách thương mại quốc tế tốt đã giúp Việt Nam hội nhập chủ động hơn và dần nâng cao vai trò của mình trên trường quốc tế và khu vực. Đặc biệt, lĩnh vực xuất nhập khẩu đã đạt được những bước tiến lớn: Việt Nam trở thành một trong những nước dẫn đầu thế giới về xuất khẩu một số mặt hàng nông nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chính sách thương mại quốc tế của nước ta vẫn còn những mặt hạn chế. Hệ thống chính sách thương mại hiện nay còn rườm rà, chồng chéo, thiếu minh bạch, thiếu ổn định và khó quản lý. Việc xây dựng và phát triển thương hiệu còn hạn chế gây ra nhiều tổn thất đáng tiếc cho các mặt hàng xuất

khẩu. Nhập siêu ngày càng tăng gây ra nhiều trở ngại cho nền kinh tế.

Qua quá trình phân tích và đánh giá trên, để hoàn thiện chính sách thương mại của Việt Nam cho phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế, nghiên cứu xin đề xuất một số giải pháp như sau:

- Tăng tính thống nhất trong nhận thức về giải quyết mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại và bảo hộ mậu dịch. Để làm được điều này, trước hết Chính phủ Việt Nam cần chỉ đạo thống nhất mục tiêu và phương pháp công nghiệp hóa, đồng thời cần chủ động đưa ra một lộ trình hội nhập từng ngành cho phù hợp với các cam kết quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia. Việc đẩy mạnh xuất khẩu và thị trường trong nước cần được chủ động giải quyết, trong đó cần nêu rõ mục tiêu và vị trí của chính sách thương mại quốc tế là thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường.

- Tiếp tục hoàn thiện các công cụ của chính sách thương mại quốc tế. Các công cụ thuế quan cần tiếp tục được điều chỉnh và hoàn thiện một cách căn trọng theo hướng đơn giản hóa và minh bạch hóa, đảm bảo nhất quán trong các cam kết với các tổ chức kinh tế và khu vực. Việc xây dựng hoàn chỉnh chính sách thuế xuất nhập khẩu phải dựa trên nguyên tắc khuyến khích xuất khẩu và bảo hộ có trọng điểm, có thời hạn một số ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên mức độ ưu tiên hay bảo hộ phải được xác định theo một cách cụ thể và phải có lịch trình giảm dần phù hợp với các cam kết của WTO.

Các công cụ phi thuế quan cần được theo dõi và sử dụng một cách có hệ thống. Bộ Thương mại nên là cơ quan chủ trì hệ thống hóa các biện pháp phi thuế đang được các cơ quan khác nhau sử dụng, từ đó lên kế hoạch phối hợp với các ban ngành chủ động tăng cường sử dụng nhiều hơn và sử dụng một cách có chọn lựa các công cụ phi thuế quan hợp lý, theo đúng các nguyên tắc của các thể chế mà Việt Nam tham gia. Chẳng hạn, trong khuôn khổ WTO, các quốc gia thành viên được quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan. Do đó, Bộ Công Thương cần xem xét sử dụng nhiều hơn công cụ này để bảo hộ hợp lý một số mặt hàng theo chính sách phát triển kinh tế của quốc gia. Song song với việc hoàn thiện các công cụ, các bộ ban ngành cũng cần phối hợp hoàn thiện hệ thống

cơ sở dữ liệu thông tin về thị trường, ngành hàng và các rào cản thương mại trong nước cũng như ở một số thị trường phổ biến của Việt Nam một cách đầy đủ và dễ truy cập để các doanh nghiệp có thể kịp thời theo dõi và phản ứng khi xảy ra tranh chấp thương mại.

- Tăng cường phối hợp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế giữa các bộ ngành và cộng đồng doanh nghiệp. Trước hết là cần nâng cao nhận thức kết hợp với chỉ đạo quyết liệt về việc phối hợp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế thông qua các cuộc họp giao ban thường kỳ giữa các thành viên chính phủ, xây dựng các bộ phận rà soát, tổng hợp lên kế hoạch thực hiện chính sách. Điều chỉnh hợp lý lộ trình tự do hóa đối với các ngành chế tạo ở khu vực thay thế nhập khẩu, phục vụ cho mục đích công nghiệp hóa đất nước. Tập trung việc điều phối hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế vào Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế. Đồng thời, tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp vào quá trình hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế thông qua các chương trình hội thảo, diễn đàn đóng góp.

Kết luận

Thông qua việc phân tích bối cảnh và thực trạng của chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam, bài viết đã chỉ ra rằng đứng trước nhiều khó khăn cả bên ngoài lẫn bên trong, Việt Nam vẫn đang từng bước chủ động, tích cực hội nhập vào nền kinh tế quốc tế. Tuy cho tới nay, chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, chưa đạt được mục tiêu cơ bản của việc tham gia hội nhập, nhưng những chính sách này cũng đang được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện dần.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tại, bài viết đã đưa ra một số khuyến nghị và giải pháp đối với ba vấn đề cần hoàn thiện trong chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam. Với những kết quả này, chúng tôi hy vọng góp phần tích cực vào công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, giúp Việt Nam nhanh chóng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Krugman Paul R., Obstfeld Maurice, Melitz Marc (2014), *International Trade: Theory and Policy*, Prentice Hall, 10th edition.
2. Marshall Alfred (1890) (8th edition: 1920), *Principles of Economics*, London: MacMillan & Co.
3. Mill John Stuart (1848), *Principles of Political Economy with Some of their Applications to Social Philosophy*, 1 (1 ed.), London: John W. Parker, retrieved 7 December 2012, volume 2.
4. Ohlin B. (1933), *Interregional and International Trade*, Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1966.
5. Ricardo David (1817), *On the Principles of Political Economy and Taxation*, Piero Sraffa (Ed.) *Works and Correspondence of David Ricardo*, Volume I, Cambridge University Press, 1951, p.135.
6. Sampson Gary P., Chambers W. Bradnee (2008), *Developing Countries and the WTO: Policy Approaches*, United Nations University Press.
7. Sen Sunanda (2010), "International trade theory and policy: A review of literature", Working Paper No. 635, Levy Economics Institute of Bard College.

Summary

Globalization and international economic integration are the typical development trend of the world, regardless of the different scales or development levels of economies or socio-political regimes of the countries. This trend can open up opportunities for cooperation and economic development but also pose challenges in competition, institutions and policies. If they can join the games effectively, countries can not only bring their potentials into full play but also take the advantages that other countries create. By contrast, if there are no good strategies and policies, the integration can result in national degrading. The article analyzes the situation, then proposes the orientations to improve our country's international trade policies amid the current integration context.